

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2024

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Dũng;
- Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Khổng Phúc Vĩnh Nhật - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 239/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đinh Thị Kim N, sinh năm 1994 (Có mặt).

Bị đơn: Võ Văn T, sinh năm 1987 (Xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Cháu Võ Đăng K, sinh ngày 01/7/2013 (Xin xét xử vắng mặt).

Giám hộ cho cháu K là chị N – Mẹ ruột

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Hôn nhân của chị và anh Võ Văn T do mai mối, khoảng 01 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 09/8/2012 (âm lịch), có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 04/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kinh tế, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên vợ, chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị và anh T sống ly thân khoảng tháng 03/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân chị và anh T có cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con: Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 01/7/2013 và Võ Kim O, sinh ngày 31/8/2017. Từ khi ly thân đến nay cháu O sống với chị N, còn cháu K sống với anh T. Khi ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng 02 con chung do chị đang nuôi cháu O còn cháu K có nguyện vọng sống chung với chị, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh anh Võ Văn T trình bày như sau:

Anh T đã nhận được quyết định xét xử số 05/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 04/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh nhưng vì lý do bận công việc nên anh không thể đến tham dự phiên tòa vào ngày 19/3/2024 nên anh đến Tòa án yêu cầu Tòa án ghi nhận ý kiến của anh.

Anh và chị N đúng là đến với nhau do mai mối, khoảng 01 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 09/8/2012 (*âm lịch*), có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 04/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn kinh tế, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân khoảng tháng 03/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh và chị N có hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay anh không còn tình cảm với chị N nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con: Quá trình chung sống anh và chị N có 02 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 01/7/2013 và Võ Kim O, sinh ngày 31/8/2017. Từ khi ly thân đến nay cháu O do chị N chăm sóc nuôi dưỡng, còn cháu K sống với anh và ba mẹ của anh. Khi ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và đồng ý giao cháu O cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh và chị N không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Võ Đăng K quá trình giải quyết vụ

án trình bày như sau:

Cháu là con chung của ông Võ Văn T và bà Đinh Thị Kim N. Cháu học đang học lớp 5 tại trường tiểu học T1. Việc ba, mẹ ly hôn cháu không có ý kiến gì. Nếu ba, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ, không yêu cầu gì đối với ba.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn với anh T. Về con, giao cháu Võ Kim O, sinh ngày 31/8/2017 và cháu Võ Đăng K, sinh ngày 01/7/2013 cho chị Đinh Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Võ Đăng K vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân của chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị N và anh T trình bày nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kinh tế, vợ, chồng thường xuyên cãi vã từ đó cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị N và anh T ly thân vào tháng 3/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh, chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Cho thấy tình cảm anh, chị dành cho nhau chưa đủ lớn để vượt qua thử thách đời thường, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con: Nguyên, bị đơn có 02 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 01/7/2013 và Võ Kim O, sinh ngày 31/8/2017. Từ khi ly thân đến nay cháu O sống

với chị N còn cháu K sống với anh T và ông bà nội, chị N vẫn tới lui chăm sóc. Khi ly hôn chị N xin được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng anh T khi ly hôn xin được nuôi dưỡng cháu K và đồng ý giao cháu O cho chị N nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cháu K thì có nguyện vọng sống với chị N khi nguyên đơn, bị đơn ly hôn. Xét thấy, đây là nguyện vọng chính đáng của con chung, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của con trẻ nên Hội đồng xét xử giao cháu O và cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh T là phù hợp. Đồng thời, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 40, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim N được ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Giao cháu Võ Đăng K, sinh ngày 01/7/2013 và Võ Kim O, sinh ngày 31/8/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Kim N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0006941 ngày 29/9/2023 tại Chi cục thi hành án

dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ nên chị N không phải nộp thêm án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKS huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi THA dân sự huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía

